

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 03/8/2018

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại Nhà văn hóa khu dân cư Bích Động - Tân Tiến, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Mậu, sinh năm 1976

Nơi đăng ký thường trú (ĐKTT): Khu dân cư số 3, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Số 229 đường Đông Hưng Thuận, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nền, sinh năm 1975

Nơi ĐKTT: Khu dân cư số 3, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Khu dân cư số 10, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

Anh Mậu vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nền có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2018 và các bản tự khai, hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Đức Mậu trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Nền kết hôn ngày 08/01/1997 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn; có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phả Lại (nay là phường Phả Lại), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới anh và chị Nền về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở khu dân cư số 3, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Năm 2002 chị Nền đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, năm 2006 chị Nền về nước, anh Mậu không đồng ý để chị tiếp tục đi xuất khẩu lao động nhưng chị Nền vẫn đi, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; năm 2009 chị Nền về nước chữa bệnh, vợ chồng về sống chung hòa thuận đến khoảng tháng 6 năm 2010 lại xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần; chị Nền đã về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh từ đó cho đến nay; vợ chồng ít liên lạc với nhau, ít quan tâm đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng của anh với chị Nền không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nền.

Về con chung: Anh và chị Nền có 01 con chung Nguyễn Trường Sơn, sinh ngày 16/9/1997 hiện đang ở với anh; cháu Sơn đã trưởng thành, khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 01/3/2018 và các bản tự khai, hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Nền trình bày:

Về điều kiện kết hôn như anh Mậu trình bày là đúng nhưng khi đăng ký kết hôn chị tự ý khai báo chị sinh năm 1978 do khi kết hôn chị còn ít tuổi, nhận thức đơn giản nên khai báo về năm sinh không đúng; giấy khai sinh của chị, trích lục khai sinh của cháu Sơn do anh Mậu tự đi làm theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên không đúng với năm sinh của chị. Chị sinh vào ngày 05/12/1975 có bố mẹ chị biết; tại giấy chứng minh nhân dân của chị cấp ngày 02/3/2001, Hộ chiếu cấp ngày 07/5/2001, căn cước công dân cấp ngày 26/02/2016 đều ghi chị sinh ngày 05/12/1975 đúng với năm sinh của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại nhà bố mẹ đẻ anh Mậu, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận; năm 2002 chị đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), trong thời gian này tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, chị vẫn gửi tiền về để anh Mậu nuôi con nhưng anh Mậu ở nhà không chịu khó xây dựng kinh tế gia đình. Năm 2005 chị nghe dư luận anh Mậu ở nhà có biểu hiện không chung thủy; năm 2009 chị bị bệnh phải về nước, vợ chồng sống chung hòa thuận đến khoảng tháng 6 năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn to tiếng với nhau nhiều lần, có lần vợ chồng còn xảy ra xô sát với nhau; tháng 10 năm 2010 chị đã về nhà mẹ đẻ sống riêng cho đến nay; anh Mậu cũng không tìm đón chị về đoàn tụ, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Nay anh Mậu xin ly hôn chị do giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi không đúng năm sinh của chị nên chị không đồng ý ly hôn và đề nghị xác định chị sinh ngày 05/12/1975 đúng với năm sinh của chị.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Trường Sơn, sinh ngày 16/9/1997 đã trưởng thành; hiện đang ở với anh Mậu; khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản: Khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Người làm chứng bà Trần Thị Nụ (mẹ đẻ chị Nền) cung cấp: Chị Nguyễn Thị Nền con gái bà sinh vào ngày 5/12/1975 là đúng, việc các giấy tờ ghi chị Nền sinh năm 1978 là do chị Nền và anh Mậu nhớ không chính xác nên khai báo không đúng với năm sinh của chị Nền.

- UBND phường Phả Lại cung cấp: Các sổ đăng ký khai sinh các năm 1975 đến 1978 hiện UBND phường Phả Lại không còn lưu giữ; sổ đăng ký kết hôn có ghi chị Nền sinh năm 1978; bản phô tô giấy khai sinh của chị Nền được cấp lại năm 2013 và bản sao trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Trường Sơn cấp ngày 26/02/2018 ghi chị Nền sinh năm 1978 là cấp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Giấy chứng minh nhân dân cấp lần đầu ngày 29/4/1995 và cấp lại ngày 02/03/2001, hộ chiếu cấp ngày 07/5/2001, căn cước công dân cấp ngày 26/02/2016 đều ghi chị Nền sinh ngày 05/12/1975 nên UBND phường Phả Lại sẽ điều chỉnh lại cho chính xác năm sinh chị Nền vào ngày 05/12/1975.

- Tại Công văn số 130/CV, ngày 28/3/2018 của Công an thị xã Chí Linh cung cấp: Ngày 29/4/1995 chị Nền được Công an tỉnh Hải Dương cấp mới giấy chứng minh nhân dân lần đầu ghi chị Nền sinh ngày 05/12/1975; ngày 26/02/2016 chị Nền được cấp căn cước công dân ghi chị Nền sinh ngày 05/12/1975.

Tại phiên tòa:

- Anh Mậu vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nền; khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về con chung và về tài sản.

- Chị Nền đồng ý thuận tình ly hôn với anh Mậu, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản. Về năm sinh chị đề nghị Tòa án xác định chị sinh năm 1975 đúng với năm sinh của chị và giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ chiếu, căn cước công dân của chị được cấp.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD); các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí tại Tòa án; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Mậu, xử cho anh Nguyễn Đức Mậu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nền; Về con chung, tài sản không phải đặt ra giải quyết; anh Mậu phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Đức Mậu vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

- Về đương sự trong vụ án dân sự: Tại bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của UBND phường Phả Lại cấp ngày 22/3/2018 thể hiện chị Nguyễn Thị Nền sinh năm 1978 là do chị Nền tự ý khai báo; theo các giấy tờ về hộ tịch của chị Nền như: Giấy chứng minh nhân dân cấp lần đầu ngày 29/4/1995 và cấp lại ngày 02/03/2001, hộ chiếu cấp ngày 07/5/2001, căn cước công dân cấp ngày 26/02/2016 đều ghi chị Nền sinh ngày 05/12/1975; người làm chứng chứng bà Trần Thị Nụ là mẹ đẻ chị Nền cung cấp: "Chị Nguyễn Thị Nền con gái bà sinh vào ngày 5/12/1975 là đúng" nên có đủ cơ sở để xác định bị đơn trong vụ án Hôn nhân và gia đình là chị Nguyễn Thị Nền sinh ngày 05/12/1975; có nơi ĐKTT: Khu dân cư số 3, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Khu dân cư số 10, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại các Điều 68, 70 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Mậu yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nền:

Anh Nguyễn Đức Mậu và chị Nguyễn Thị Nền kết hôn ngày 08/01/1997 trên cơ sở tự nguyện, có đủ các điều kiện kết hôn theo luật định, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng về nhà chồng sống chung, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, đã có 01 con chung; năm 2002 chị Nền đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau; năm 2006 chị Nền về nước và có ý kiến tiếp tục đi xuất khẩu lao động, anh Mậu không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; năm 2006 chị Nền tiếp tục đi xuất khẩu lao động xa nhà, vợ chồng ít liên lạc với nhau; năm 2009 chị Nền về nước, vợ chồng về sống chung đến khoảng tháng 6 năm 2010 lại phát sinh mâu thuẫn như to tiếng với nhau nhiều lần; có lần vợ chồng còn xảy ra xô sát với nhau; không còn tin tưởng nhau; tháng 10 năm 2010 chị Nền đã về nhà mẹ đẻ sống riêng cho đến nay; vợ chồng ít liên lạc với nhau, kinh tế riêng biệt, ít quan tâm đến nhau; tại phiên tòa chị Nền đồng ý ly hôn với anh Mậu chứng tỏ hai bên không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh Mậu, xử cho anh Nguyễn Đức Mậu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nền là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Trường Sơn, sinh ngày 16/9/1997 đang ở với anh Mậu; cháu Sơn đã trưởng thành; khi ly hôn anh Mậu và chị Nền không yêu cầu giải quyết về con chung nên không phải đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản: Khi ly hôn anh Mậu và chị Nền không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không phải đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Mậu là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 68, 70, khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức Mậu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nền

- Về con con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; anh Nguyễn Đức Mậu phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và được đối trừ vào số tiền 300.000đ anh Mậu đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000409 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Mậu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tx. Chí Linh;
- Chi cục THA DS TX Chí Linh;
- UBND phường Phả Lại (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngọc